

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Kết thúc ngày 30/06/2013

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các quy định về sửa đổi,
bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2 năm 2013	Quý 2 năm 2012	6 tháng đầu năm 2013	6 tháng năm 2012
			VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	12.882.307.153	31.606.819.081	32.944.192.056	45.513.319.954
2. Các khoản giảm trừ	02	24	868.044.444	3.904.120.581	2.656.478.834	4.847.996.554
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dvụ	10	24	12.014.262.709	27.702.698.500	30.287.713.222	40.665.323.400
4. Giá vốn hàng bán	11	25	8.349.036.114	15.867.635.510	20.782.169.998	27.433.179.110
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dvụ	20		3.665.226.595	11.835.062.990	9.505.543.224	13.232.144.290
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	70.175.689	39.980.367	87.275.835	63.657.419
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	27	802.351.827	1.005.017.676	1.487.417.750	2.398.376.200
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		802.177.027	1.026.545.270	1.481.526.326	1.855.708.625
8. Chi phí bán hàng	24		1.302.122.992	7.929.214.822	4.528.880.491	10.789.002.750
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.611.260.004	2.372.185.401	3.305.372.950	4.802.852.602
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.667.461	568.625.458	271.147.868	(4.694.429.843)
11. Thu nhập khác	31	28	661.790.250	907.378.556	934.307.679	2.106.593.805
12. Chi phí khác	32	29	290.072.829	1.801.884.674	594.510.818	6.824.279.995
13. Lợi nhuận khác	40		371.717.421	(894.506.118)	339.796.861	(4.717.686.190)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	30	391.384.882	(325.880.660)	610.944.729	(9.412.116.033)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30		18.364.843	0	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		129.488.666		190.671.051	(1.915.171.391)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	30	261.896.216	(344.245.503)	420.273.678	(7.496.944.642)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	48	(63)	77	(1.654)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Thống
Quảng Nam, ngày 10 tháng 8 năm 2013

Lê Quang Lục

Nguyễn Dũng